

**CÔNG TY CP KỸ THUẬT & Ô TÔ
TRƯỜNG LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG**

Mã chứng khoán: HTL

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46, Đường 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: 08 3 754 3188

Fax: 08 3 754 3189

Người thực hiện công bố thông tin: Lã Thị Thanh Phương

Địa chỉ: Lô 46, Đường 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 08 3 754 3188

Fax: 08 3 754 3189

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 của Công ty CP Kỹ thuật & Ô tô Trường Long (nội dung báo cáo đính kèm công văn này).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/07/2014 tại đường dẫn: <http://www.truonglong.com/quanhecodong.html>, của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Lã Thị Thanh Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Trụ sở chính TP.HCM: Lô 46, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM – ĐT: 08 3754 3188 – Fax: 08 3754 3189
CN Vĩnh Long: Lô A11, A12, 1A, 1B, KCN Bình Minh, H. Bình Minh, T. Vĩnh Long – ĐT 070 3765555 – Fax: 070 3742244.

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2014

THƯ GIẢI TRÌNH

(Về việc lợi nhuận sau thuế quý 2/2014 giảm so với lợi nhuận sau thuế quý 2/2013)

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật và Ô Tô Trường Long giải trình về việc lợi nhuận sau thuế năm quý 2/2014 giảm so với quý 2 /2013:

Lợi nhuận sau thuế quý 2 /2014	Lợi nhuận sau thuế quý 2 /2013	Tỉ lệ giảm
5.420.704.743 đồng	7.296.610.555 đồng	34,6%

Giải thích:

- Hợp đồng ký mới tăng so với quý 2 cùng kỳ tuy nhiên do chính sách siết chặt quản lý hoạt động vận tải và kiểm soát tải trọng phương tiện của cục đăng kiểm, tiến độ xuất xưởng của những xe đóng thùng chậm hơn rất nhiều dẫn đến doanh thu và lợi nhuận thấp hơn cùng kỳ năm ngoái.
- Trong quý, có trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng làm chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng,



Ban Giám Đốc

P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

CÔNG TY CP KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG
Lô 46, Đường Số 3, KCN. Tân Tạo, Q. Bình Tân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II/2014



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216,150,630,055	174,081,939,335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10,645,846,770	42,270,420,266
1. Tiền	111		5,645,846,770	11,350,420,266
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	30,920,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,108,000,000	4,108,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4,108,000,000	4,108,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		22,400,248,419	26,816,699,964
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	8,260,753,123	25,561,257,314
2. Trả trước cho người bán	132		11,170,691,327	949,476,500
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3,974,825,969	1,133,366,150
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,006,022,000)	(827,400,000)
IV. Hàng tồn kho	140		168,279,707,769	98,921,626,605
1. Hàng tồn kho	141	V.5	168,279,707,769	98,921,626,605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10,716,827,097	1,965,192,500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1,263,396,261	674,545,093
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,657,757,675	489,919,060
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		331,844,054	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1,463,829,107	800,728,347



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2014

0

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52,331,270,149	54,371,470,811
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50,817,662,097	52,645,889,029
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	20,852,500,920	22,323,345,573
<i>Nguyên giá</i>	222		35,938,286,657	35,785,114,840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15,085,785,737)	(13,461,769,267)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	29,965,161,177	30,322,543,456
<i>Nguyên giá</i>	228		34,345,206,261	34,283,090,011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,380,045,084)	(3,960,546,555)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,513,608,052	1,725,581,782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1,329,357,402	1,543,641,390
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		101,406,250	99,095,992
3. Tài sản dài hạn khác	268		82,844,400	82,844,400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		268,481,900,204	228,453,410,146

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		172,753,083,726	127,986,052,721
I. Nợ ngắn hạn	310		171,939,313,449	127,193,284,788
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	21,177,245,250	-
- Vay ngắn hạn		V.18	21,177,245,250	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả			-	-
2. Phải trả người bán	312	V.11	10,474,979,361	93,464,266,646
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	119,151,057,134	26,744,281,580
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1,980,684,862	2,079,570,647
5. Phải trả người lao động	315		2,062,044,770	1,374,818,095
6. Chi phí phải trả	316	V.13	409,247,230	832,417,236
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	13,560,926,005	1,432,932,917
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	3,123,128,837	1,264,997,667
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		813,770,277	792,767,933
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.15	813,770,277	792,767,933
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95,728,816,478	100,467,357,425
I. Vốn chủ sở hữu	410		95,728,816,478	100,467,357,425
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.17	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.17	15,728,816,478	20,467,357,425
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		268,481,900,204	228,453,410,146

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2014

0

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		23,210.04	18,515.96
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2014



Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng



P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

WON SIA 10/7/14

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý: 2014/02

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			(4)	(5)	(6)	(7)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	122,503,043,359	147,245,869,492	227,646,579,943	200,557,318,799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	34,545,455		34,545,455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		122,503,043,359	147,211,324,037	227,646,579,943	200,522,773,344
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	116,048,680,933	131,685,011,708	213,281,009,989	179,577,313,742
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6,454,362,426	15,526,312,329	14,365,569,954	20,945,459,602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	252,726,131	348,170,717	660,611,001	609,122,959
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	151,896,034	482,228,332	425,191,682	915,134,809
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		124,681,450	415,260,727	387,678,732	844,918,582
8. Chi phí bán hàng	24	V.5	3,933,889,659	4,540,571,173	7,450,640,448	6,857,812,808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.6	3,190,487,615	2,558,848,249	6,066,143,066	5,100,472,840
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(569,184,751)	8,292,835,292	1,084,205,759	8,681,162,104
11. Thu nhập khác	31	V.7	7,910,490,241	609,979,067	13,069,257,820	873,392,168
12. Chi phí khác	32	V.8	-	3,731,400	-	3,731,400
13. Lợi nhuận khác: (40 = 31 - 32)	40		7,910,490,241	606,247,667	13,069,257,820	869,660,768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: (50 = 30 + 40)	50		7,341,305,490	8,899,082,959	14,153,463,579	9,550,822,872
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,922,911,005	1,599,915,404	3,198,810,459	1,716,787,486
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2,310,258)	2,557,000	(2,310,258)	2,557,000
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: (60 = 50 - 51-52)	60		5,420,704,743	7,296,610,555	10,956,963,378	7,831,478,386
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		678	912	1,370	979

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2013

Giám đốc



Duyệt bởi Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		332,372,567,389	214,812,222,197
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(352,865,460,535)	(162,468,267,282)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7,804,435,471)	(4,942,017,482)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3,527,103,434)	(2,780,216,207)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3,314,247,144)	(903,900,504)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		56,251,661,559	5,821,323,974
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27,935,792,976)	(21,438,373,059)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20		(6,822,810,612)	28,100,771,637
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(156,516,250)	(21,880,600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22			673,391,567
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(53,543,262)
4. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		137,574,298	424,860,515
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(18,941,952)	1,022,828,220
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hà	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24,782,820,932)	(31,683,022,526)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(24,782,820,932)	(31,683,022,526)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(31,624,573,496)	(2,559,422,669)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi			-	-
Tiền tồn đầu kỳ	60		42,270,420,266	14,140,894,088
Tiền tồn cuối kỳ	70		10,645,846,770	11,581,471,419

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2014



Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng



P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xe ô tô, xe chuyên dùng và phụ tùng xe các loại. Đại lý ký gửi hàng hóa. Dịch vụ thương mại. Cho thuê xe các loại. Sửa chữa ô tô. Thiết kế, thi công, cải tạo đóng mới các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ. Sản xuất xe chuyên dùng, gia công cơ khí. Bảo trì các phương tiện vận tải cơ giới đường bộ. Đại lý bảo hiểm.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 231 nhân viên đang làm việc.
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty có 254 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

SOC
NG
PH
TAT
ONG
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định như sau:

- Giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa được tính theo giá bình quân gia quyền. Riêng đầu xe và thân xe được tính theo phương pháp thực tế đích danh.
- Giá trị sản phẩm dở dang bao gồm chi phí của đầu xe, thân xe, nguyên liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Giá thành phẩm được tính theo phương pháp thực tế đích danh bao gồm chi phí của xe sau khi lắp đặt và chế tạo thân xe.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-25
Máy móc và thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	03

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất từ 40 đến 50 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2014 : 21.300 VND/USD

31/12/2013 : 21.085 VND/USD

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	743.864.350	105.517.267
Tiền gửi ngân hàng	4.901.982.420	11.244.902.999
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	30.920.000.000
Cộng	10.645.846.770	42.270.420.266

2. Đầu tư ngắn hạn: khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	4.108.000.000	4.108.000.000
Cộng	4.108.000.000	4.108.000.000

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng của văn phòng công ty	8.030.289.891	25.328.426.428
Phải thu khách hàng của Chi Nhánh Vĩnh Long	230.463.232	232.830.886
Cộng	8.260.753.123	25.561.257.314

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ thương mại địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	384.913.311	384.913.311
Lãi dự thu	274.410.833	211.895.833
Phải thu bộ phận đăng ký xe	1.381.000.000	511.000.000
Phai thu tiền chi hộ Tadano LTD	331.415.872	5.512.200



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền bảo hành của Hino Motor VN	41.104.309	7.190.537
Phải thu nhà cung cấp	1.510.863.612	-
Phải thu khác	51.118.032	12.854.269
Cộng	<u>3.974.825.969</u>	<u>1.133.366.150</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	77.826.503.732	62.601.642.745
Công cụ, dụng cụ	53.820.264	29.850.598
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.829.500.967	17.921.649.990
Thành phẩm	43.567.362.806	18.365.963.272
Hàng hóa	2.520.000	2.520.000
Cộng (*)	<u>168.279.707.769</u>	<u>98.921.626.605</u>

(*) Số lượng hàng tồn kho tăng cao do tiến độ nghiệm thu hồ sơ xuất xưởng của đang kiểm chậm.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn Phòng Công ty	934.518.324	482.489.253
Chi Nhánh Vĩnh Long	328.877.937	192.055.840
Cộng	<u>1.263.396.261</u>	<u>674.545.093</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	1.379.329.107	716.228.347
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	84.500.000	84.500.000
Cộng	<u>1.463.829.107</u>	<u>800.728.347</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.498.176.998	3.774.117.364	3.302.492.331	175.455.147	34.873.000	35.785.114.840
Mua sắm trong kỳ			94.400.000	58.771.817		153.171.817
Giảm do quyết toán						
<i>Giảm trong kỳ</i>						
Số cuối kỳ	<u>28.498.176.998</u>	<u>3.774.117.364</u>	<u>3.396.892.331</u>	<u>234.226.964</u>	<u>34.873.000</u>	<u>35.938.286.657</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.866.533.291	2.529.124.005	1.868.599.356	162.639.615	34.873.000	13.461.769.267
Khấu hao trong kỳ	1.244.524.983	217.071.024	155.699.838	6.720.625		1.624.016.470
Giảm trong kỳ						
Số cuối kỳ	<u>10.111.058.274</u>	<u>2.746.195.029</u>	<u>2.024.299.194</u>	<u>169.360.240</u>	<u>34.873.000</u>	<u>15.085.785.737</u>

3000
 NG
 PH
 AT V
 NG
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	19.631.643.707	1.244.993.359	1.433.892.975	12.815.532	-	22.323.345.573
Số cuối kỳ	18.387.118.724	1.027.922.335	1.372.593.137	64.866.724		20.852.500.920

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	33.946.610.142	253.136.480	83.343.389	34.283.090.011
Mua sắm trong kỳ	62.116.250			
Số cuối kỳ	34.008.726.392	253.136.480	83.343.389	34.345.206.261
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.721.943.128	155.260.038	83.343.389	3.960.546.555
Khấu hao trong kỳ	375.037.134	44.461.395		419.498.529
Số cuối kỳ	4.096.980.262	199.721.433	83.343.389	4.380.045.084
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	30.224.667.014	97.876.442	-	30.322.543.456
Số cuối kỳ	29.911.746.130	53.415.047		29.965.161.177

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng công ty	1.104.055.249	1.241.922.258
Chi nhánh Vĩnh Long	225.302.153	301.719.132
Cộng	1.329.357.402	1.543.641.390

11. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp xe và phụ tùng xe	3.525.100.000	87.062.237.760
Phải trả tiền mua đất Vĩnh Long	4.675.080.608	4.675.080.608
Phải trả nhà cung cấp khác	2.274.798.753	1.726.948.278
Cộng	10.474.979.361	93.464.266.646

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.918.950.008	2.034.386.693
Thuế thu nhập cá nhân	61.734.854	45.183.954
Cộng	1.980.684.862	2.079.570.647

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014**13. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	248.066.962	591.145.105
Chi phí khác	161.180.268	241.272.131
Cộng	<u>409.247.230</u>	<u>832.417.236</u>

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	139.290.285	74.701.945
Cổ tức phải trả	13.026.907.000	1.030.807.000
Phải trả HĐQT và Ban Kiểm soát	195.535.272	85.535.272
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.193.448	241.888.700
Cộng	<u>13.560.926.005</u>	<u>1.432.932.917</u>

15. Phải trả dài hạn khác

Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động. Chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	792.767.933	570.199.311
Số trích lập bổ sung	25.566.456	262.529.804
Số đã chi	(4.564.112)	(39.961.182)
Số cuối năm	<u>813.770.277</u>	<u>792.767.933</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	818.591.153	2.110.336.217	(601.268.866)	2.327.658.504
Quỹ phúc lợi	446.406.514	1.055.168.108	(706.104.289)	795.470.333
Cộng	<u>1.264.997.667</u>	<u>3.165.504.325</u>	<u>(1.307.373.155)</u>	<u>3.123.128.837</u>

17. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư ngày 01/01/2014	80.000.000.000	20.467.357.425	100.467.357.425
Lợi nhuận trong kỳ	-	10.956.963.378	10.956.963.378
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	3.165.504.325	3.165.504.325
Thù lao HĐQT	-	500.000.000	500.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	-	30.000.000	30.000.000
Chia cổ tức trong kỳ	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Số dư đến ngày 30/06/2014	<u>80.000.000.000</u>	<u>15.728.816.478</u>	<u>95.728.816.478</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LŨY KẾ ĐẾN CUỐI QUÝ 2/2014**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	2014	2013
Tổng doanh thu	227.646.579.943	200.557.318.799
Doanh thu bán xe	206.541.899.261	187.302.777.466
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán phụ tùng	21.076.739.187	13.196.572.224
Doanh thu khác	27.941.495	57.969.109
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(34.545.455)
Doanh thu thuần	227.646.579.943	200.522.773.344

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán xe	197.158.413.731	169.346.916.512
Giá vốn dịch vụ và bán phụ tùng	16.122.596.258	10.230.397.230
Cộng	213.281.009.989	179.577.313.742

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	655.663.471	607.352.225
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.001.054	358.557
Doanh thu khác	2.946.476	1.412.177
Cộng	660.611.001	609.122.959

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	387.678.732	844.915.929
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.352.999	29.166.423
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.095.369	41.048.964
	64.582	3.493
Cộng	425.191.682	915.134.809

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.669.788.318	1.318.838.702
Chi phí CCDC, khấu hao tài sản cố định	308.566.215	212.531.505
Chi phí khuyến mãi	-	10.717.000
Chi phí hoa hồng	901.077.786	842.366.836
Chi phí hội nghị khách hàng	523.111.021	175.386.561
Chi phí bán hàng khác	4.048.097.108	4.297.972.204
Cộng	7.450.640.448	6.857.812.808

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	3.187.595.851	2.792.712.197
Chi phí CCDC, khấu hao tài sản cố định	1.256.989.618	1.170.029.027
Dự phòng phải thu khó đòi	178.622.000	-
Chi phí khác	1.442.935.597	1.137.731.616
Cộng	6.066.143.066	5.100.472.840

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng của Công ty LD Hino Motor VN	11.978.348.729	636.500.000
Tiền hỗ trợ tổ chức hội nghị khách hàng	181.818.182	200.000.000
Tiền hỗ trợ đầu tư Trung tâm Hino 3S Đà Nẵng	909.090.909	-
Thu nhập khác	-	36.892.168
Cộng	13.069.257.820	873.392.168

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm :** Các thành viên hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương BGD	638.265.604	618.743.500
Thù lao HĐQT & BKS	530.000.000	261.000.000
Cộng	1.168.265.604	879.743.500

- *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Sumitomo Corporation – cổ đông góp 25,5% vốn điều lệ.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với Sumitomo Corporation như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	2.155.155.980	2.709.404.620
Cổ tức phải trả	4.088.886.000	1.022.221.591

Giá mua hàng hóa của Sumitomo Corporation là giá thỏa thuận.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2014


Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng




P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lê Thị Thanh Phương

